

Số: 21/2022/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 06 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải tHnh ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí tòa án.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải tHnh về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ông Bùi Việt Đ; Địa chỉ: Số nH 143, tổ dân phố 23, phường H, tHnh phố Đ, tỉnh B. Nơi làm việc: Trung đoàn 741 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B;

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thu H; Địa chỉ: Số nH 143, tổ dân phố 23, phường H, tHnh phố Đ, tỉnh B. Nơi làm việc: Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ, thành phố Đ, tỉnh B;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trung đoàn 82, Quân khu 2; Địa chỉ: Phường H, thành phố Đ, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Trung đoàn trưởng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hoài T, Phó Trung đoàn trưởng, Trung đoàn 82, địa chỉ: Tổ dân phố 23, phường H, tHnh phố Đ, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/10/2021).

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2. 1. Ông Đ được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với tài sản gồm:

+ Nhà trên đất: Nhà cấp III, 2 tầng, tường 10, trên lợp tôn. Tổng diện tích 91,2 m<sup>2</sup>;

+ Bán mái: Phần bán mái là phần bếp diện tích 22,05m<sup>2</sup>;

- + Chuồng gà lợp tôn: Diện tích 23,45m<sup>2</sup>;
- + Tường bao từ bếp đến chuồng gà: Diện tích 18,48m<sup>2</sup>;
- + Kè giáp đôi: Diện tích 16,08m<sup>2</sup>

2.2. Các tài sản trên có tổng giá trị là: 417.022.205đ nằm trên mảnh đất có diện tích 178,8m<sup>2</sup> (Theo Biên bản định giá tài sản ngày 30/8/2021 của Hội đồng định giá). Ông Đ được chia 1/2 giá trị các tài sản trên là: 208.511.102 đồng, bà H được chia 1/2 giá trị các tài sản trên là: 208.511.102 đồng. Ông Đ phải trả cho bà H số tiền 208.511.102 đồng (Hai trăm linh tám triệu, năm trăm mười một nghìn, một trăm linh hai đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi Hành án, nếu ông Đ không trả cho bà H khoản tiền trên thì ông Đ còn phải trả cho bà H khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định khoản 2 tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Mảnh đất có diện tích là 178,8m<sup>2</sup>, là đất quốc phòng. Hiện nay Trung đoàn 82 - Quân khu 2 chưa có nhu cầu sử dụng, nên Trung đoàn vẫn tiếp tục cho anh Đ mượn, khi nào có nhu cầu sử dụng, Trung đoàn sẽ thu hồi sau. Do vậy anh Đ được sử dụng: Mảnh đất có diện tích là 178,8m<sup>2</sup>, đất có các mặt tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông 5,5m, phía Tây giáp nhà ông Nghĩa, phía Đông giáp nhà ông bà Bình Hoàn, phía Nam giáp đôi E1; địa chỉ: Tô dân phố 23, phường H; thành phố Đ, tỉnh B (Theo mảnh trích đo chỉnh lý Bản đồ địa chính số 176-2021; thửa đất số 91, tờ bản đồ 87).

### 3. Về án phí:

+ Ông Đ phải chịu số tiền 5.212.777 đồng án phí DSST có giá ngạch đối với phần giá trị tài sản được chia, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2020/0000339 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B. Ông Đ còn phải nộp số tiền án phí có giá ngạch là: 3.212.777 đồng (Ba triệu, hai trăm mười hai nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng);

+ Bà H phải chịu số tiền 5.212.777 đồng (Năm triệu, hai trăm mười hai nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng) án phí DSST có giá ngạch đối với phần giá trị tài sản được chia.

- Về chi phí tố tụng khác: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *VKSND TP. Đ;*
- *Chi cục THA TP. Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**THẨM PHÁN**

**Đào Thị Thúy THnh**